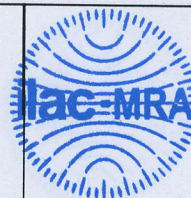




CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

VILAS 746

Số: 09/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	34M ₁ 01/16	Nhà máy Bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	21/03/2016 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
2	35M ₁ 01/16	Công ty Bia Sài Gòn		Nguyễn Thị Cẩm Tú	21/03/2016 8g30-8g45	
3	35M ₂ 01/16	77 Nguyễn Tất Thành			21/03/2016 9g00-9g15	
4	35M ₃ 01/16	118 ^A Lê Trung Kiên			21/03/2016 9g30-9g45	
5	36B01/16	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Nguyễn Tường Linh	21/03/2016 8g00-8g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú
6	37B02/16	Bể chứa NMN Tuy An			21/03/2016 9g00-9g15	
7	37B03/16	Bể chứa NMN Đồng Xuân			21/03/2016 10g00-10g15	
8	38B04/16	Bể chứa NMN Sông Cầu			21/03/2016 8g00-8g15	
9	38B05/16	Bể chứa NMN Đ.Bắc Sông Cầu		Nguyễn Ngọc Tượng	21/03/2016 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
10	39B06/16	Bể chứa NMN Sông Hinh		Nguyễn Thị Dung	21/03/2016 8g30-8g45	
11	39B07/16	Bể chứa NMN Sơn Hòa			21/03/2016 10g00-10g15	



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



VILAS 746

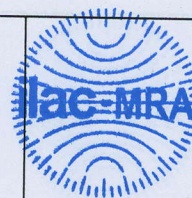
II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				34M ₁ 01/16	35M ₁ 01/16	35M ₂ 01/16	35M ₃ 01/16
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996				
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996				
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.94	6.90	6.91	6.86
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.51	0.42	0.34	0.43
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.01	KPH	0.01	0.02
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	17.18	16.84	17.51	16.84
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	45.43	44.92	45.94	45.43
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	KPH	8.00	KPH	KPH
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	9.00	3.70	5.50	4.20
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6.4	5.5	6.9	7.9
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.32	0.26	0.39	0.26
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	KPH	KPH

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				36B01/16	3702/16	37B03/16	38B04/16
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.84	7.08	7.11	7.04
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.44	0.31	0.88	0.57
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.01	0.02	0.01	0.01
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	17.18	10.78	7.07	12.12
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	44.92	30.12	21.44	28.58
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	KPH	KPH	KPH	KPH
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	5.00	1.26	1.30	0.70
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.5	11.5	2.5	2.3
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	KPH	KPH	0.01
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.32	0.45	0.51	0.26
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.44	0.53	0.53	0.53



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				38B05/16	39B06/16	39B07/16	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7.02	7.04	7.19	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.49	0.37	0.29	
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.09	0.02	0.01	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	11.45	8.08	9.43	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	7.66	22.46	45.43	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	KPH	KPH	KPH	
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	3.12	0.22	2.14	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	2.7	2.2	2.4	
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.02	KPH	0.01	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.26	0.32	0.32	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.44	0.53	0.44	

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Bộ Phận Hóa nghiệm

Phòng Kỹ Thuật

Lãnh Đạo Công Ty

Võ Bá Duy Huân

BM.KT.02.02

24/06/2014

Trang 3/3